

VĂN MIẾU, VĂN TỪ, VĂN CHỈ TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGUYỄN PHƯƠNG CHI*
NGUYỄN KỶ NAM**

Tóm tắt: Trong tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc, Văn Miếu, Văn Từ và Văn Chỉ đã đóng một vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần và thể hiện truyền thống “tôn sư trọng đạo” của người Việt Nam. Văn Miếu được xây dựng ở kinh đô Thăng Long dưới triều vua Lý Thánh Tông (1070) để phụng thờ Khổng Tử và những vị học trò xuất sắc nhất của Khổng Tử. Trải qua các triều đại như Trần, Lê sơ, Lê Trung hưng, Tây Sơn và Nguyễn, Văn Miếu đã có những thay đổi nhất định về đối tượng tuyển sinh cũng như hình thức thi cử... Trong đó, vào thời Lê sơ Nho giáo đã phát triển cực thịnh, đặc biệt vào năm 1484 Vua Lê Thánh Tông cho dựng bia Tiến sĩ của những người đỗ đạt từ khoa thi năm 1442 trở đi. Hiện nay, còn lại 82 tấm bia Tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội. Song hành với hệ thống Văn Miếu tại Trung ương, cấp tỉnh, huyện, Văn Từ và Văn Chỉ dần được hình thành ở các làng, xã để không chỉ thờ phụng Khổng Tử mà còn để vinh danh những người đỗ đạt trong làng, xã. Trong đó, các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh (xứ Kinh Bắc xưa) có sự hiện diện phong phú của hệ thống Văn Từ, Văn Chỉ.

Từ khóa: Văn Miếu, Văn Từ, Văn Chỉ.

1. Văn Miếu

Văn Miếu là nơi thờ Khổng Tử (551 - 497 TCN), nhà tư tưởng, nhà chính trị và là người sáng lập ra học thuyết Nho giáo ở Trung Quốc. Miếu thờ Khổng Tử (Khổng Tử Miếu), hoặc còn gọi là Khổng Miếu, Phu Tử Miếu, Văn Miếu. Phần lớn trong các miếu thờ Khổng Tử đều có chỗ để học, nên Khổng Miếu cũng gọi là Văn Miếu. Ở Trung Quốc trước thế kỷ XV chưa gọi Khổng Miếu là Văn Miếu. Vào cuối đời Đường, nhà Đường phong Khổng Tử làm Văn

Tuyên Vương, nên gọi Khổng Miếu là Văn Tuyên Vương Miếu. Chỉ đến thời Minh, niên hiệu Minh Vĩnh Lạc (1403 - 1424) trở đi mới gọi Khổng Miếu là Văn Miếu. Vì thế, từ thế kỷ XV, sử sách của Việt Nam đều ghi là Văn Miếu.

Văn Miếu được xây dựng nhằm phụng thờ những bậc Tiên thánh - Khổng Tử; Tiên hiền (gồm Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử, 10 học trò

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Sử học.

(**) Viện Sử học.

xuất sắc của Khổng Tử, 72 học trò giỏi khác của Khổng Tử⁽¹⁾).

Văn Miếu ở Việt Nam, được xây dựng ở Kinh đô Thăng Long từ năm 1070 dưới thời vua Lý Thánh Tông (1054 - 1072). *Đại Việt sử ký toàn thư* (ĐVSKTT) chép: “Năm Canh Tuất, niên hiệu Thần Vũ thứ 2 (1070) đời Lý Thánh Tông, mùa Thu, tháng 8, làm Văn Miếu, đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Tứ phối⁽²⁾, vẽ tranh thất thập nhị hiền, bốn mùa thờ cúng”⁽³⁾. Năm 1076, vua Lý Nhân Tông cho xây nhà Quốc Tử Giám kề sau Văn Miếu để các hoàng thái tử đến học. Vì lúc đầu, trường chỉ dành riêng cho con vua và con các bậc đại quyền quý (nên gọi tên là Quốc Tử).

Đến thời Trần, Quốc Tử Giám đổi gọi là Quốc Tử Viện. Lúc đầu, việc học ở Quốc Tử Viện không phải dành cho tất cả các đối tượng, mà chỉ dành cho con em các văn quan và tòng quan vào học. Theo *ĐVSKTT*: “Tháng 10 năm Bính Thân (1236) cho Phạm Ứng Thần làm Tri thư Quốc Tử Viện, trông nom cho con em các văn quan và tòng quan vào học”⁽⁴⁾. Việc cho con em các văn quan và tòng quan học Nho giáo lúc này cốt là đào tạo người kế tục sự nghiệp của cha anh. Song, do nhu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước đòi hỏi phải từng bước kiện toàn tổ chức chính quyền nhà nước từ trung ương đến địa phương, nên giáo dục Nho học đã không chỉ dừng lại ở đối tượng con em các quan trong triều, mà từ nửa sau thế kỷ XIII trở đi thì đối

tượng vào học đã là *tất cả các nho sĩ* trong nước. Quốc Tử Viện đổi gọi là Quốc Học Viện. *ĐVSKTT* chép: “Năm Quý Sửu (1253), xuống chiếu cho các nho sĩ trong nước đến Quốc Học Viện giảng học tứ thư lục kinh”⁽⁵⁾.

Năm 1281, triều đình cho lập thêm nhà học ở phủ Thiên Trường - Kinh đô thứ hai của nhà Trần (nay thuộc thành phố Nam Định). Sử cũ không ghi rõ đối tượng được vào học, mà chỉ cho biết những người thuộc hương Thiên Thuộc không được vào học. Sử chép: “Tân Ty (1281), lập nhà học ở phủ Thiên Trường, cấm người hương Thiên Thuộc không được vào học (Lệ cũ của nhà Trần, quân sĩ Thiên Thuộc không được học văn nghệ, vì là sợ khí lực kém đi)”⁽⁶⁾.

Đời vua Trần Minh Tông, Chu Văn An được cử làm quan Quốc Tử Giám Tư nghiệp và là thầy dạy trực tiếp của các hoàng tử. Đến năm 1370, Chu Văn An

⁽¹⁾ Học trò của Khổng Tử đông tới ba ngàn người, nhưng bậc cao hiền được 72 người, trong đó có Nhan Hối (Nhan Tử), Tăng Sâm (Tăng Tử) là giỏi hơn cả. Sau khi Khổng Tử mất, Tăng Tử chép lời thầy soạn ra sách *Đại học*, các học trò ghi chép lời nói của thầy soạn ra sách *Luận ngữ*. Đến cháu của Khổng Tử là Tử Tư soạn ra sách *Trung Dung*. Cách đời Khổng Tử 110 năm lại có Mạnh Tử soạn ra sách *Mạnh Tử*. Từ đó, đạo Nho ngày càng truyền bá rộng rãi.

⁽²⁾ *Tứ phối*, Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử.

⁽³⁾ *ĐVSKTT* (1993), tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 275.

⁽⁴⁾ *ĐVSKTT* (1971), tập 2, quyển 5, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 14.

⁽⁵⁾ *ĐVSKTT*, tập 2, quyển 5, *sđđ*, tr. 25.

⁽⁶⁾ *ĐVSKTT*, tập 2, quyển 5, *sđđ*, tr. 51.

qua đời được vua Trần Nghệ Tông cho thờ ở Văn Miếu bên cạnh Khổng Tử.

Sang thời Lê Sơ, Nho giáo phát triển cực thịnh. Vào năm 1484, Vua Lê Thánh Tông cho dựng bia Tiến sĩ cho những người đỗ Tiến sĩ từ khoa thi năm 1442 trở đi. Nay còn lại 82 tấm bia Tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám Hà Nội (trong đó, thời Lê sơ dựng 12 bia, gồm bia của các khoa thi 1442, 1448, 1463, 1466, 1475, 1478, 1487, 1496, 1502, 1511 và 1514; thời nhà Mạc, chỉ dựng được 2 bia Tiến sĩ cho khoa thi năm 1518 (thời nhà Lê Sơ) và năm 1529. Mặc dù nhà Mạc đã tổ chức 22 khoa thi Tiến sĩ, nhưng chỉ duy nhất một khoa thi được dựng bia tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám là khoa thi năm 1529. Sang thời Lê Trung Hưng, các khoa thi được tổ chức đều đặn hơn, nhưng cũng phải đến năm 1653 mới tiến hành một đợt dựng bia Tiến sĩ lớn nhất tại Văn Miếu với 25 bia cho các khoa thi từ năm 1554 đến năm 1652. Sau đó, tới năm 1717, tổ chức một đợt dựng bia lớn thứ 2 với 21 bia Tiến sĩ cho các khoa thi từ năm 1656 đến năm 1715. Với hai đợt dựng bia Tiến sĩ lớn và sau đó là các lần dựng bia thường xuyên sau mỗi khoa thi cho tới khoa thi năm 1779 thì nhà Lê Trung Hưng đã dựng được 68 bia trong tổng số 82 bia Tiến sĩ. Sang triều đại nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn, kinh đô được chuyển vào Phú Xuân - Huế, nên các bia Tiến sĩ không còn được dựng tại Văn Miếu (Hà Nội) nữa).

Thời Hậu Lê, năm 1762, vua Lê Hiển Tông cho sửa lại Quốc Tử Giám là nơi

học tập đạo Nho của triều đình.

Năm 1785, Quốc Tử Giám được đổi thành nhà Thái Học.

Dưới thời Tây Sơn, Văn Miếu - Quốc Tử Giám Thăng Long được gọi là Văn Miếu phủ Bắc Hà. Trong các cuộc biến loạn cuối thời Lê - Trịnh và chống quân xâm lược nhà Thanh, khu vực Văn Miếu bị hư hỏng. Dân trại Văn Chương có dâng sớ xin triều đình cho sửa sang. Tương truyền vua Quang Trung đã phê đáp bằng câu thơ lục bát:

Nay mai dựng lại nước nhà

Bia ghè lại dựng trên toà muôn gian.

Đến đời Cảnh Thịnh, vua xuống *Chiếu* cho tu sửa Văn Miếu phủ Bắc Hà.

Năm 1802, vua Gia Long bãi bỏ trường Quốc Tử Giám ở Hà Nội, đổi nhà Thái Học làm nhà Khải Thánh để thờ cha mẹ Khổng Tử, rồi đổi làm nhà học của phủ Hoài Đức, đến đời Thành Thái (1889 - 1907) lại đổi làm Văn Chi của huyện Thọ Xương. Biển treo trước cổng lớn, trước đề là Thái học môn, sau đổi làm Miếu môn. Tháng 7 năm Gia Long thứ 4 (8-1805), Tổng trấn Nguyễn Văn Thành cho xây dựng Khuê Văn Các bằng gỗ, quy cách thanh thoát rộng đẹp. Khoảng niên hiệu Minh Mệnh, Tổng đốc Đặng Văn Hòa đã cho thay cột gỗ để tránh mối mọt và lợp lại bằng ngói ống để che mưa nắng. Văn Miếu Thăng Long đổi gọi là Văn Miếu Bắc thành.

Cùng với việc định đô ở Huế, Văn Miếu triều Nguyễn được xây dựng ở Kinh đô Huế. Văn Miếu hay Văn Thánh là các cách gọi của Văn Thánh Miếu, ngôi miếu thờ đức Khổng Tử - người

được hậu thế tôn vinh là Vạn Thế sư biểu (người thầy của muôn đời). Tuy nhiên, vị trí của Văn Miếu đã nhiều lần thay đổi. Thời các chúa Nguyễn, năm 1691, Minh vương Nguyễn Phúc Chu cho xây Văn Miếu ở làng Triều Sơn, cách Kinh thành khoảng 7km về hướng Tây Bắc. Năm 1766, thời Huệ vương Nguyễn Phúc Khoát, Văn Miếu lại được di dời về làng Lương Quán, ở phía Nam sông Hương. Năm 1770, Văn Miếu lại dời về làng Long Hồ nằm về phía Tây Bắc Kinh thành.

Năm 1808, dưới triều vua Gia Long, Văn Miếu Huế được xây dựng ở địa điểm hiện nay, xã Hương Long, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngôi miếu cũ được giữ lại để làm Khải Thánh Từ (tức miếu thờ cha, mẹ của Khổng Tử). Miếu được xây dựng uy nghi, đồ sộ, nằm bên bờ sông Hương thuộc địa phận thôn An Bình, làng An Ninh, phía Tây Kinh thành.

Trước sân Miếu có hai nhà bia, bia bên phải khắc Dụ của Thánh Tổ Nhân Hoàng đế (vua Minh Mạng) về việc Thái giám không được liệt vào hạng quan lại. Bia bên trái khắc Dụ của Hiến Tổ Chương Hoàng đế (vua Thiệu Trị) về việc bà con bên ngoại của Vua không được tham gia chính quyền. Văn Miếu còn có hai dãy bia Tiến sĩ gồm 32 tấm, khắc ghi tên tuổi, quê quán và niên đại của 293 vị Tiến sĩ thi đỗ trong 39 kỳ thi Hội, thi Đình. Nhà Nguyễn bắt đầu cho dựng bia Tiến sĩ tại Văn Miếu Huế từ khoa thi năm 1822.

Văn Miếu ở địa phương xuất hiện vào

thời thuộc Minh, năm 1414, “Hoàng Phúc nước Minh truyền bảo cho các phủ châu huyện dựng Văn Miếu và các đàn thờ Xã Tắc, Phong Vân, Sơn Xuyên cùng các thần không ai thờ cúng, để tuế thì tế lễ”⁽⁷⁾.

Đến thời Lê Sơ, Nho giáo phát triển cực thịnh, chắc chắn việc tu bổ, xây dựng Văn Miếu được triều đình chú trọng. Năm 1465, nhà vua định lệ tế Văn Miếu ở các trấn lộ: “Dùng hai ngày đình mùa Xuân mùa Thu, chỉ tế mười vị hiền triết”⁽⁸⁾ thôi”⁽⁹⁾. Một số Văn Miếu ở các địa phương được xây dựng từ thời Lê Sơ, giữa thế kỷ thứ XV như Văn Miếu Mao Điền chẳng hạn. Văn Miếu Mao Điền thuộc tổng Mao Điền, phủ Bình Giang, trấn Hải Dương (nay thuộc thôn Mao Điền, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương) được lập ra để tổ chức các kỳ thi Hương của trấn Hải Dương. Văn Miếu Mao Điền là một trong số ít Văn Miếu còn giữ được nhiều nét cổ tồn tại đến nay, quy mô và lịch sử lâu đời chỉ đứng sau Văn Miếu - Quốc Tử Giám Hà Nội.

Văn Miếu Bắc Ninh cũng được xây

⁽⁷⁾ *ĐVSKTT*, tập 2, quyển 9, *sđd*, tr. 274.

⁽⁸⁾ Tức là thập triết, mười người học trò của Khổng Tử, được thờ ở Văn Miếu. Đầu tiên thì có: Nhan Uyên, Mầu Tử Khiên, Nhiệm Bá Ngưu, Trọng Cung, Tể Ngã, Tử Cống, Nhiễm Hữu, Quý Lộ, Tử Du, Tử Hạ. Sau Nhan Uyên được thăng lên bậc phối hưởng, lấy Tăng Tử điền vào. Sau Tăng Tử lại thăng lên bậc phối hưởng, lấy Tử Trương điền vào (*ĐVSKTT* (1972), tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 351).

⁽⁹⁾ *ĐVSKTT* (1972), tập 3, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 191.

dựng vào thời Lê Sơ, tại vùng sơn phận Thị Cầu thuộc tổng Đỗ Xá, huyện Võ Giàng, phủ Từ Sơn, xứ Kinh Bắc (nay là phường Đại Phúc, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh). Văn Miếu Bắc Ninh thờ Khổng Tử, Tứ phối và có 12 bia "Kim bảng lưu phương" (Danh thơm lưu mãi bảng vàng) dựng ở Bi đình, lưu danh 677 vị đại khoa quê hương Kinh Bắc (bao gồm Bắc Ninh, Bắc Giang và một số xã sau này nhập về huyện Gia Lâm, Đông Anh, Hà Nội và Văn Lâm, Văn Giang thuộc Hưng Yên)⁽¹⁰⁾. Năm 1802 có tu sửa lại.

Văn Miếu Lạng Sơn được xây dựng từ đời Hậu Lê (thế kỷ XVII), vị trí ở cửa Bắc thành Lạng Sơn. Trong suốt quá trình tồn tại, Văn Miếu Lạng Sơn không có bia ghi danh những người đỗ đạt, mà là nơi thờ Đức Khổng Tử. So với Văn Miếu ở các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh... quy mô Văn Miếu Lạng Sơn thuộc loại nhỏ. Sang thế kỷ XVIII, Văn Miếu được chuyển về phía Nam thuộc khu gò Long địa (đất rồng), nay là khu vực Viện 50 (phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn). Theo Văn bia chùa Thành (dựng năm Cảnh Thịnh thứ 4 - 1796) thì Văn Miếu có 6 gian, lợp tranh. Đến năm Ất Dậu (1885), quân Pháp dựng đồn án ngữ toàn bộ khu vực phía Nam tỉnh thành. Văn Miếu nằm trong khu vực bị quân đội Pháp phong tỏa. Mỗi kỳ tế lễ, các quan lại Việt Nam phải chọn khu đất bên ngoài để tế lễ. Trước tình thế đó, năm 1889, họ liền đến đề nghị quan sứ Pháp giao lại Văn Miếu để cúng tế, nhưng không được vì lý do quân Pháp khó di dời đi nơi khác. Sau

khi thoả thuận, hai bên nhất trí sẽ xây dựng lại Văn Miếu ở nơi khác. Địa điểm được chọn là khu vực chân núi Tam Thai (núi Phia Vệ ngày nay) ở phố Đông Kinh. Phía sau Văn Miếu là núi Tam Thai, phía trước là sông Kỳ Cùng, hai bên có núi Tam Thanh, động Chùa Tiên trong thế "Rồng chầu hổ phục". Tháng 4 năm 1891, Văn Miếu chính thức được khởi công xây dựng, đến tháng 5 thì hoàn thành. Toàn bộ công trình Văn Miếu gồm 7 toà nhà xây gạch lợp ngói, quy mô hơn hẳn trước.

Theo tư liệu Hán Nôm thì Văn Miếu Vĩnh Yên cũng được dựng vào thế kỷ XVII. Văn bia *Trùng tu Văn Miếu tỉnh nghi môn bi ký* (ký hiệu thác bản No 5107-5108, Viện Nghiên cứu Hán Nôm), đặt tại Văn chỉ xã Cao Xá huyện Bạch Hạc tỉnh Vĩnh Yên được dựng năm Cảnh Trị thứ 7 (1669) do Trần Đăng Tuyển, người xã Hoàng Mai huyện Yên Dũng, đỗ Tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640), giữ chức Binh Bộ Thượng thư soạn. Mở đầu là câu: Trị sở phủ Tam Đới đặt tại xã Cao Xá của huyện Bạch Hạc, phía Tây của xã là Văn Miếu của phủ⁽¹¹⁾. Cấp "Phủ" thời

⁽¹⁰⁾ Theo nội dung bia đá cho biết, Văn Miếu lúc đầu được xây dựng ở phía Đông Bắc thành Bắc Ninh, nay là địa bàn phường Thị Cầu. Năm 1802, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã cho tu bổ lại Văn Miếu. Năm 1838, vua Thiệu Trị cho xây dựng lại. Năm 1928, vua Bảo Đại cho di dời Văn Miếu đến địa điểm hiện nay. (Theo: mobile.vietgle.vn/detail.aspx?key=văn+miếu+Bắc+Ninh&type=A0).

⁽¹¹⁾ Trịnh Khắc Mạnh (2008), Tổng quan nguồn tài liệu chữ Hán về lịch sử Văn Miếu Vĩnh Yên, trong *Văn Miếu và truyền thống hiếu học ở Vĩnh Phúc*, tr. 12.

Lê – Trịnh là cấp chính quyền địa phương chỉ đứng sau cấp “Trấn” (Trấn - phủ - huyện – châu - xã)⁽¹²⁾.

Những Văn Miếu được xây dựng dưới thời chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn có thể kể: Văn Miếu Trấn Biên, ra đời sớm nhất ở Nam Bộ, được xây dựng vào năm Ất Mùi (có thể là 1715 hoặc 1775, hiện nay vẫn tồn tại hai loại ý kiến về niên đại ra đời của Văn Miếu Trấn Biên)⁽¹³⁾. Năm 1794, “Sửa lại Văn Miếu. Miếu ở dinh Trấn Biên do Hiền tông Hiếu Minh hoàng đế dựng, lâu năm đổ nát, nay nhân nền cũ mà sửa sang lại. Sai Lễ bộ Nguyễn Đò trông coi công việc. Thềm chế thì ở giữa là điện Đại Thành, cửa Đại Thành, bên Đông là Thần khố, bên Tây là đền Dục Thánh, bên Tả là cửa Kinh Thanh, bên Hữu là cửa Ngọc Chấn, phía trước dựng Các Khuê Văn, treo chuông trống ở trên, bên Tả là nhà Sùng Văn, bên Hữu là nhà Dục Lễ, xung quanh có thành vuông, trước là cửa Văn Miếu và hai bên Tả Hữu. Đặt 50 người Lễ sinh và 50 người miếu phu”⁽¹⁴⁾.

Năm 1824, năm Minh Mạng thứ 5 xây dựng Văn Miếu Gia Định ở thôn Phú Mỹ, huyện Bình Dương. Văn Miếu ở Vĩnh Long được xây dựng vào năm Giáp Tý (1864), niên hiệu Tự Đức thứ 17 và hoàn thành cuối năm Bính Dần (1866), niên hiệu Tự Đức 19 tại thôn Long Hồ, huyện Vĩnh Bình. Đây là 3 Văn Miếu ở 6 tỉnh Nam Bộ lúc bấy giờ. Trừ một số rất ít Văn Miếu có từ thời Lê – Trịnh ở Đàng Ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng Trong, hầu hết ở các tỉnh khác trên cả nước, Văn Miếu được xây dựng

vào các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

Văn miếu Xích Đằng còn gọi là Văn Miếu Hưng Yên (nay thuộc địa phận thôn Xích Đằng, phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên), được xây dựng vào năm 1832, dưới thời Minh Mệnh.

Vào cuối thời Minh Mệnh, năm 1838 (năm Minh Mệnh thứ 19), triều đình ban hành quy định thống nhất kiểu mẫu Văn Miếu ở các địa phương: “Kiểu cũ: nhà vuông 2 tòa, mỗi tòa một gian hai chái, đôi làm hai dãy nhà 2 bên Tả Hữu, mỗi nhà đều 5 gian, xây bằng tường gạch để bày các vị thờ Phật”⁽¹⁵⁾.

⁽¹²⁾ *Trấn*: được nhà Trịnh đổi từ *đạo*. Trấn gồm nội trấn với ngoại trấn. *Nội trấn* là những trấn ở đồng bằng (Hải Dương, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc) và *ngoại trấn* là những trấn ở xa (Lạng Sơn, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Tuyên Quang, An Quảng). Riêng hai trấn Thanh Hóa và Nghệ An vẫn giữ nguyên. Đàng Ngoài tổng cộng có 11 trấn cộng với 2 trấn Thuận Hóa, Quảng Nam thuộc quyền cai quản của các chúa Nguyễn là 13 trấn.

⁽¹³⁾ Năm 1861, sau khi chiếm được tỉnh Biên Hòa, thực dân Pháp đã đốt phá Văn Miếu Trấn Biên. Trong dịp kỷ niệm 300 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai đã tiến hành tái tạo Văn Miếu Trấn Biên. Đây là một trong những công trình văn hóa lớn, nhằm tôn vinh những giá trị nhân văn - giáo dục truyền thống. Công trình gồm 2 khu liên nhau: khu thờ phụng, tế lễ và khu trưng bày truyền thống, sinh hoạt văn hóa.

⁽¹⁴⁾ *Đại Nam thực lục* (2002), tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 306.

⁽¹⁵⁾ *Đại Nam thực lục* (2006), tập 5, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr. 306. Chữ Phật ở đây có lẽ nhầm, có lẽ là chữ phụng. Văn Miếu thờ Phật thì không có lý.

“Theo thống kê, đến thời Nguyễn, cả nước có 28 Văn Miếu ở Kinh đô và các tỉnh thành, dinh trấn: Hà Nội (1070), Huế (1692), và Văn Miếu các tỉnh: Biên Hòa (1715), Bắc Ninh (sửa 1802), Quảng Nam (1802), Bình Định (1802), Nghệ An (1803), Thanh Hóa (1805), Quảng Yên (1805), Cao Bằng (1809), Lạng Sơn (sửa 1809), Quảng Ngãi (1817), Quảng Bình (1818), Nam Định (1821), Hải Dương (1823), Gia Định (1824), Tuyên Quang (1825), Bình Thuận (1826), Hưng Hóa (sửa 1830), Thái Nguyên (1832), Hưng Yên (1839), Ninh Bình (1839), Khánh Hòa (1846), Sơn Tây (1847), Vĩnh Long (1864 - 1866), và Văn Miếu các đạo: Quảng Trị (1802), đạo Phú Yên (1802), đạo Hà Tĩnh (1833)”⁽¹⁶⁾.

2. Văn Từ, Văn Chỉ

Như trên đã nêu, hệ thống Văn Miếu có Văn Miếu ở Kinh đô/Trung ương, Văn Miếu cấp tỉnh, huyện. Văn Từ, Văn Chỉ ở cấp xã, làng không chỉ là nơi thờ phụng Khổng Tử, mà còn là trường học, có bia vinh danh những người đỗ đạt trong làng.

Văn Từ, Văn Chỉ được Phan Kế Bính ghi: “Đàn lộ thiên gọi là Văn chỉ, có lợp mái gọi là Văn Từ. Văn Từ, Văn Chỉ để thờ riêng những bậc khoa hoạn trong làng. Có làng hiếm văn học, chưa có người hiển đạt, thì thờ Đức Khổng Tử gọi là Tiên Thánh sư, để làm chủ trương cho việc văn học trong làng. Các nơi thờ riêng những bậc khoa hoạn, đại để chia làm ba hạng: Hạng nhất là những người đỗ đại khoa (Tiến sĩ) và những người từ tam tứ phẩm trở lên, thờ ban giữa; Hạng

nhì là những người đỗ trung khoa (Cử nhân) và những người làm quan từ lục, thất phẩm trở lên, thờ ban hữu; Hạng ba là những người đỗ tiểu khoa (Tú tài) và những người làm đến bát cử phẩm, thờ ban tả [...]. Nhưng nhiều nơi chỉ trọng riêng về đường khoa mục, hễ có đỗ mới được liệt tự, còn người làm quan dẫu có đến nhất nhị phẩm mà không có chân khoa mục, cũng không được dự”⁽¹⁷⁾.

Văn Chỉ làng Ngọc Than, huyện Quốc Oai, Hà Nội là một trong số ít những văn chỉ có mái lợp còn giữ được nguyên vẹn kiến trúc trong các làng, xã của Hà Nội mở rộng. Trong Văn Chỉ còn giữ được ba tấm bia có niên đại thời Nguyễn. Nội dung văn bia ghi chức danh, tên họ những người đỗ đạt trong các khoa thi⁽¹⁸⁾.

Ở tỉnh Bắc Giang hiện còn khá nhiều Từ Chỉ, Văn Chỉ⁽¹⁹⁾. Huyện Việt Yên có:

- Từ Chỉ Thổ Hà, xã Vân Hà còn lưu giữ được 8 bia đá, ghi danh 70 vị Nho sinh, Sinh đồ. Bia có niên đại sớm nhất

⁽¹⁶⁾ Theo Nguyễn Quốc Hùng (2009), “Bảo tồn và phát huy giá trị di tích Nho học thời hội nhập”, trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám và hệ thống di tích Nho học ở Việt Nam, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Hà Nội, tr. 21.

⁽¹⁷⁾ Phan Kế Bính (2005), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 141 - 142.

⁽¹⁸⁾ Tham khảo thêm Lan Anh - Văn Quý (2011), “Văn Chỉ làng Ngọc Than”, trong Hội nghị khoa học các đơn vị quản lý di tích Nho học Việt Nam, Hà Nội, tr. 195 - 209.

⁽¹⁹⁾ Tham khảo thêm Nguyễn Hữu Tự (2011), “Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa phản ánh truyền thống hiếu học - khoa cử trên quê hương Bắc Giang”, trong Hội nghị khoa học các đơn vị quản lý di tích Nho học Việt Nam, Hà Nội, tr. 226 - 237.

dựng năm Vĩnh Trị thứ 5 (1860), muộn nhất dựng ngày 9 tháng 9 năm Tự Đức thứ 9 (1856).

- Văn Chi Bài Cả, xã Vân Trung.
- Văn Chi Yên Viên, xã Vân Hà.
- Văn Chi Mật Ninh, xã Quảng Minh.
- Văn Chi Tự Lạn, xã Tự Lạn.

Huyện Yên Dũng có:

- Văn Chi Bình An, xã Tân Tiến.
- Văn Chi Đình Uyên, xã Tân Tiến.

Thành phố Bắc Giang có:

- Văn Chi Đông Nham, phường Thọ Xương.

- Văn Chi Đình Ké, xã Đình Ké.

Huyện Lạng Giang có:

- Văn Chi Trung Phụ, xã Tân Hưng.
- Văn Chi Yên Thịnh, xã Tân Thịnh.
- Văn Chi Bằng, xã Nghĩa Hòa.

Bắc Giang, Bắc Ninh - xứ Kinh Bắc xưa nổi tiếng Nho học và có truyền thống học hành, thi cử, đỗ đạt cao. Một hệ thống các Văn Chi ở các làng xã của tỉnh Bắc Giang đã minh chứng điều đó.

Đất nước ta do chiến tranh loạn lạc, nên những di tích Văn Từ, Văn Chi bị hủy hoại nhiều. Tuy nhiên, những trưng bày trong “Triển lãm Văn Từ, Văn Chi Thăng Long và các vùng phụ cận” khai mạc sáng ngày 24/1/2013 tại Nhà Tiền đường khu Thái Học, di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám (Hà Nội) cho thấy giá trị hình ảnh những di tích Nho học hiện còn khá phong phú. Triển lãm 130 hình ảnh về các Văn Từ, Văn Chi Hà Nội và các vùng Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình, Hải Phòng... cùng hàng trăm hiện vật Nho học. Hình ảnh các Văn Từ được trưng bày phổ biến là

một nhà 3 gian, 2 chái hay 1 đến 3 nhà, mỗi nhà 5 gian hoặc các Văn Từ là bệ thờ lộ thiên. Đó là Văn Từ Vĩnh Trụ, tỉnh Hà Nam; Văn Từ huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam; Văn Từ xã Lăng Phong, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

“Văn Chi có quy mô nhỏ hơn, giảm dần từ cấp phủ, huyện, đến cấp thôn làng. Đó là Văn Chi huyện Từ Liêm, Hà Nội đến Văn Chi Nhật Tảo, huyện Từ Liêm; Văn Chi thôn Cầu Rãnh, tỉnh Bắc Ninh. Đặc biệt, trong số các hình ảnh Văn Từ, Văn Chi được trưng bày có thạc bản (bản dập) bia trụ văn chỉ làng Nguyệt Áng, xã Đại Áng, huyện Thanh Trì, Hà Nội”⁽²⁰⁾.

Ngày nay, Nho học không còn vị trí quan trọng như trước, chỉ có rất ít người Việt Nam biết chữ Hán. Hầu hết Văn Miếu, Văn Thánh hàng tỉnh, Văn Từ, Văn Chi đã bị phá hủy nhiều. Mặt khác, tư liệu về Văn Từ, Văn Chi cũng không nhiều, nên việc nghiên cứu vấn đề này có phần hạn chế.

Như vậy, Văn Miếu ở Việt Nam ra đời từ thời Lý, phát triển qua các triều đại quân chủ Việt Nam và mở rộng vào thời Nguyễn. Văn Miếu hiện còn, theo thống kê là 28, trong đó có cái được xây lại rất bề thế như Văn Miếu Trấn Biên.

Văn Miếu, Văn Từ, Văn Chi là biểu tượng cho truyền thống văn hiến của Việt Nam, thể hiện truyền thống hiếu học, “Tôn sư - trọng đạo” và truyền thống giáo dục của người Việt.

⁽²⁰⁾ Đinh Thị Thuận, *Triển lãm Văn Từ, Văn Chi cổ Thăng Long và phụ cận*, Theo vietnamplus.vn, ngày 24/1/2013.

